TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST
Ngày 22-05-2026.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Quàng Thị Liên và Ông Trần Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Cầm Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2026/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 2 năm 2026 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bạc Thị T; sinh năm 1982; số CCCD: 011182002426, ngày cấp: 21/4/2021, nơi cấp: Cục C; địa chỉ: Bản T, xã C, tỉnh Điện Biên - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thúy A - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn T1, sinh năm 1983; số CCCD: 011083004953, ngày cấp: 09/7/2022, nơi cấp: Cục C; địa chỉ: Bản T, xã C, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2026 và biên bản lấy lời khai nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị Bạc Thị T và anh Quàng Văn T1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 do sự tự nguyện của cả hai bên, hai người không đăng ký

kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Sau khi lấy nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 không tu trí làm ăn, chăm lo cho gia đình, anh T1 đi làm thuê nhưng không đưa tiền để nuôi các con, dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Nhiều lần vợ chồng cãi nhau hoặc đi uống rượu về thì anh T1 còn đe dọa đánh chị T và các con. Chị T đã vì các con cố gắng chịu đựng nhưng nhiều năm qua anh T1 vẫn không thay đổi. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Quàng Văn T1.

Về con chung: Có 02 con chung là Quàng Văn Q, sinh ngày 18/4/2002 và Quàng Văn Đ, sinh ngày 09/10/2004. Hiện các con đều đã thành niên, nên chị Thinh K yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn anh Quàng Văn T1: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và triệu tập anh T1, nhưng anh T1 không đến. Tòa án đã đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh T1 để xác minh thì được trưởng bản ông Lò Văn T2 cho biết: Anh Quàng Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại Bản T, xã C, tỉnh Điện Biên; hiện tại anh T1 đang sinh sống, lao động tại địa phương nhưng thường xuyên đi về thất thường, không xác định được thời gian đi, về cụ thể nên Tòa án không giao thông báo thụ lý được. Do vậy Tòa án đã tiến hành lập các biên bản xác minh và niêm yết thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn. Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết các văn bản tố tụng anh T1 vẫn không có mặt nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Ngày 06/4/2026, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự, Tòa án đã niêm yết văn bản nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về sự vắng mặt không có lý do của bị đơn và tiến hành niêm yết thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Ngày 06/4/2026, chị T đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2026 và đã niêm yết các văn bản theo quy định của pháp luật, anh Quàng Văn T1 vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa và niêm yết theo luật định.

Tại phiên toà, chị Bạc Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện. Anh Quàng Văn T1 vắng mặt lần 2 không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 71, 76 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70,72 BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc xét xử vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn vẫn đảm bảo quyền lợi của các đương sự, HĐXX tiếp tục xét xử đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS. Không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về thẩm quyền, trình tự tố tụng: Đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bạc Thị T và anh Quàng Văn T1.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ: Nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Bạc Thị T: Giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện của chị T. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Quàng Văn T1; Về con chung: Đã thành niên, không đề nghị Tòa án giải quyết và đề nghị miễn án phí cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt có ý kiến giữ nguyên nội dung như trong đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai tại tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Vụ án ly hôn giữa chị Bạc Thị T và anh Quàng Văn T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 -

Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Bạc Thị T: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, theo quy định tại các Điều 14, 51, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh sự vắng mặt của bị đơn nơi cư trú, tình trạng hôn nhân, tống đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 174, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Quàng Văn T1, nhưng anh T1 vẫn không có mặt tại Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), anh T1 đã tự từ bỏ các quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Ngày 06/4/2026 chị Bạc Thị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Ngày 22/5/2026 Tòa án mở phiên tòa theo Quyết định hoãn số 15/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 05/5/2026: Nguyên đơn chị Bạc Thị T, được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Quàng Văn T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bạc Thị T và anh Quàng Văn T1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 do sự tự nguyện của cả hai bên, hai người không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Sau khi lấy nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 không tu trí làm ăn, chăm lo cho gia đình, anh T1 đi làm thuê nhưng không đưa tiền để nuôi các con, dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Nhiều lần vợ chồng cãi nhau hoặc đi uống rượu về thì anh T1 còn đe dọa đánh chị T và các con. Hội đồng xét xử thấy rằng chị T và anh T1 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 cho đến nay và không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, như vậy việc kết hôn của chị T anh T3 đã không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ quy định tại khoản 2

Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bạc Thị T và anh Quàng Văn T1.

[3] Về con chung: Đã thành niên không đề nghị tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ: Các bên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí*:*

Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và nguyên đơn có đơn xin miễn nộp án phí, nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Phát biểu của kiểm sát viên: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa: Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 điều 228, Điều 238, Điều 207, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bạc Thị T và anh Quàng Văn T1.

2. Về con chung: Đã thành niên, không đề nghị giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án (ngày 22/5/2026).

Nơi nhận
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 3 - Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Đương sự;
- Người bảo vệ QVLIHP của đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thanh Tuấn